

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001043

Trang : 1/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: **35**

Số bài thi: **35**

Số tờ giấy thi: **35**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ngô Thị Nhung</i>	<i>Nguyễn-M. Nhung</i>	<i>Trương Trung Thuận</i>	<i>Ngô Thị Hằng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060024	NGUYỄN ĐÔNG BIN	05/10/2004	CCQ2206A		485	<i>Bin</i>	5.7	7.4	6.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122060031	LÊ VINH BÌNH	06/09/2004	CCQ2206A		357	<i>Bình</i>	6.6	7.2	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122060018	VÕ AN BÌNH	08/07/2004	CCQ2206A		209	<i>An</i>	7.1	7.8	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122060022	NGÔ HOÀNG CHIẾN	23/05/2004	CCQ2206A		132	<i>Chiến</i>	9.1	8.4	8.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122060033	PHAN QUỐC DŨNG	26/02/2004	CCQ2206A		485	<i>Dũng</i>	0.0	6.4	3.8	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122060032	LƯƠNG QUỐC ĐẠT	15/10/2004	CCQ2206A		357	<i>Đạt</i>	7.3	6.8	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122060014	CAO HOÀNG HẢI	29/07/2004	CCQ2206A		209	<i>Hải</i>	9.3	8.2	8.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122060030	NGUYỄN CÔNG HẬU	14/01/2003	CCQ2206A		132	<i>Hậu</i>	7.4	7.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122140020	TRẦN MINH HIẾU	29/09/2004	CCQ2206A		485	<i>Hiếu</i>	6.8	7.4	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122060013	TRƯƠNG HỒNG HIẾU	01/12/2004	CCQ2206A		357	<i>Hiếu</i>	5.2	5.4	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122060007	NGUYỄN XUÂN HÓI	11/02/2000	CCQ2206A		209	<i>Hối</i>	8.8	9.4	9.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122060004	TRẦN VIỆT HÙY	03/07/2004	CCQ2206A		132	<i>Việt</i>	9.8	9.2	9.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122060041	NGUYỄN MINH KHÀI	10/04/2002	CCQ2206B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122060040	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/06/2004	CCQ2206B		357	<i>Khoa</i>	5.6	7.0	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122060021	NGUYỄN MINH KHOA	28/05/2004	CCQ2206A		209	<i>Khoa</i>	5.6	9.0	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122060026	TRẦN VĂN KIẾT	25/11/2004	CCQ2206A		132	<i>Văn</i>	7.3	8.6	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122060010	CHÂU NGỌC LÂN	03/03/2004	CCQ2206A		485	<i>Lân</i>	6.2	8.0	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122060028	NGUYỄN NGỌC LÂN	20/12/2004	CCQ2206A		357	<i>Lân</i>	5.7	7.8	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122060016	VĂN TẤN LỘC	21/08/2004	CCQ2206A		209	<i>Lộc</i>	7.5	8.4	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122060038	HUỖNH TẤN LỢI	24/10/2004	CCQ2206B		132	<i>Lợi</i>	5.9	6.4	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 02/11/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001043

Trang : 2/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: **35**

Số bài thi: **35**

Số tờ giấy thi: **35**

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngô Thị Thúy</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn M. Dung</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Chung Tân Thuận</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ngô Thị Hạnh</i>
---	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060009	NGUYỄN HOÀI NHÂN	25/02/2004	CCQ2206A		485	<i>Ngô</i>	6,3	8,0	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122060015	LÊ VĂN NINH	02/01/2004	CCQ2206A		357	<i>Ninh</i>	7,5	6,8	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122060036	TRẦN VĂN PHÚ	26/05/2004	CCQ2206B		209	<i>Phu</i>	6,6	9,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122060019	THÁI NGỌC VŨ	24/08/2004	CCQ2206A		132	<i>Thái</i>	6,6	7,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
25	2122060001	LÊ VINH QUANG	20/01/2000	CCQ2206A		485	<i>Quang</i>	6,9	7,2	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122060002	NGUYỄN GIA QUYẾT	26/01/1999	CCQ2206A		357	<i>Quyết</i>	8,7	8,6	8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122060025	BÙI THÀNH TÀI	02/06/2003	CCQ2206A		209	<i>Tài</i>	8,8	9,6	9,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122060027	LÊ MINH TÁNH	24/07/2004	CCQ2206A		132	<i>Tanh</i>	8,9	8,2	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122060029	NGÔ THỨC THÀNH	21/01/2004	CCQ2206A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122060008	NGUYỄN TẤN THUẬN	09/10/2004	CCQ2206A		357	<i>Thuận</i>	7,3	7,8	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122060005	LÊ NGUYỄN QUANG TIẾN	26/04/2004	CCQ2206A		209	<i>Tiến</i>	7,5	6,4	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122060039	NGUYỄN TẤN TÍN	25/03/2004	CCQ2206B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122060020	KIỀU ĐỨC TRÍ	01/05/2004	CCQ2206A		485	<i>Trí</i>	5,6	6,2	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122060034	TRẦN MINH TRUNG	05/06/2002	CCQ2206A		357	<i>Trung</i>	7,9	7,6	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122060035	NGUYỄN HUY TUẤN	01/01/2004	CCQ2206A		209	<i>Tuấn</i>	7,3	7,6	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122060011	NGUYỄN THANH TUẤN	02/08/2004	CCQ2206A		132	<i>Tuấn</i>	6,9	9,6	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122060012	VÕ THỊ THU UYÊN	29/09/2004	CCQ2206A		485	<i>Uyên</i>	8,8	9,0	8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
38	2122060006	NGUYỄN ANH VŨ	29/06/2004	CCQ2206A		357	<i>Vũ</i>	5,1	6,2	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001044

Trang : 1/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060044	CHÂU HOÀI ANH	25/05/2004	CCQ2206B		209		0	58	3.5		
2	2122060059	HÀ ĐỨC CANG	06/02/2004	CCQ2206B		132		6.8	7.6	7.3		
3	2122060054	ĐỖ CÔNG DŨNG	14/02/2004	CCQ2206B								
4	2122060070	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	06/07/2004	CCQ2206A		357		7.9	9.0	8.6		
5	2122170257	NGÔ TẤN ĐẠT	28/10/2004	CCQ2206B		209		6.2	6.4	6.3		
6	2122060048	NGUYỄN MINH HẢI	05/05/2004	CCQ2206B		132		7.3	7.2	7.2		
7	2122060079	TRƯƠNG THIÊN HẬU	23/08/2004	CCQ2206B		485		5.4	5.2	5.3		
8	2122060066	NGUYỄN HỮU THẾ HIẾU	11/03/2004	CCQ2206B		357		7.1	7.8	7.5		
9	2122060072	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	16/10/2004	CCQ2206A		209		7.0	7.4	7.2		
10	2122060057	NGUYỄN NHẬT HUY	06/03/2004	CCQ2206B		132		5.5	7.0	6.4		
11	2122060067	PHẠM BÁ KHÂM	04/08/2004	CCQ2206B		485		5.9	7.2	6.7		
12	2122060080	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/08/2004	CCQ2206B		357		6.4	7.4	7.0		
13	2122060065	TRỊNH BÁ KIẾT	12/05/2004	CCQ2206B		209		7.4	8.6	8.1		
14	2122060068	NGUYỄN QUỐC LÂM	02/08/2004	CCQ2206B		132		7.5	8.2	7.9		
15	2122060049	VÕ PHƯỚC LẬP	21/03/2004	CCQ2206B		485		6.4	7.5	7.1		
16	2122060063	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	11/03/2004	CCQ2206B		357		7.6	8.2	8.0		
17	2122170227	THÁI LÊ DUY	05/08/2004	CCQ2206B		209		6.2	6.2	6.2		
18	2122060051	TRẦN NGỌC MINH	18/12/2003	CCQ2206B		132		5.0	5.8	5.4		
19	2122060062	PHAN VĂN NGUYỄN	16/06/2003	CCQ2206B		357		7.5	6.8	7.1		
20	2122060064	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	22/09/2004	CCQ2206B		485		6.8	7.0	6.9		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 02/11/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001044

Trang : 2/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **36**
Số bài thi: **36**
Số tờ giấy thi: **36**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060045	BÙI ANH QUANG	05/05/2003	CCQ2206B		209	<i>Quang</i>	6,4	7,0	6,8	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
22	2122060047	NGUYỄN HUY QUYỄN	24/08/2004	CCQ2206B		132	<i>Quyển</i>	6,4	7,4	7,0	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
23	2122060076	NGUYỄN THANH SÁNG	25/05/2004	CCQ2206B		488	<i>Sang</i>	6,1	6,0	6,0	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
24	2122140019	NGUYỄN CÔNG TÂY	21/05/2003	CCQ2206A		357	<i>Tay</i>	6,5	8,2	7,5	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
25	2122060042	TRẦN VĂN THẠNH	15/08/2004	CCQ2206B		209	<i>Thanh</i>	6,7	6,2	6,4	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
26	2122050073	PHAN HỮU THI	12/12/2004	CCQ2206B		137	<i>Thi</i>	6,7	7,6	7,2	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
27	2122060074	NGUYỄN BÁ THIÊN	29/06/2004	CCQ2206B							<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
28	2122060078	MÃ THANH THỊNH	19/12/2004	CCQ2206B		357	<i>Thinh</i>	6,2	8,2	7,4	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
29	2122060060	LƯƠNG THANH TIẾN	04/08/2004	CCQ2206B		269	<i>Tien</i>	8,7	8,4	8,5	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
30	2122060053	TRẦN QUỐC TOÀN	10/05/2004	CCQ2206B		132	<i>Toan</i>	6,0	6,8	6,5	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
31	2122060082	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	28/02/2004	CCQ2206A		485	<i>Tram</i>	7,6	8,8	8,3	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
32	2122060050	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÍ	10/01/2004	CCQ2206B		1					<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
33	2122170099	NGUYỄN HỒNG TRUNG	01/12/2004	CCQ2206B		209	<i>Trung</i>	8,2	8,4	8,3	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
34	2122060056	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	10/08/2004	CCQ2206B		132	<i>Truong</i>	6,2	8,8	7,8	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
35	2122060077	NGUYỄN ĐỖ LAM TRƯỜNG	02/11/2004	CCQ2206B		489	<i>Truong</i>	6,3	6,8	6,6	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
36	2122060058	LÊ MINH TUẤN	29/04/2004	CCQ2206B		357	<i>Tuan</i>	5,7	6,6	6,2	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
37	2122060055	LONG QUỐC VIÊN	17/06/2003	CCQ2206B		209	<i>Vien</i>	6,6	9,2	8,2	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
38	2122060075	NGUYỄN TRẦN HOÀN VŨ	17/11/2003	CCQ2206A		132	<i>Vu</i>	7,3	8,4	8,0	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>
39	2122110026	PHẠM ANH VŨ	19/09/2004	CCQ2206A		485	<i>Vu</i>	6,7	7,4	7,1	<i>[Bubble Sheet]</i>	<i>[Bubble Sheet]</i>